TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17-01-2024
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Hoa;
2. Ông Trần Hoài Duy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, năm 19xx; nơi cư trú tại: Số xxx, hẻm xx, đường T, khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 19xx; nơi cư trú tại: Số xxx, hẻm xx, đường T, khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; hiện trú tại: Ấp T, xã B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10-10-2023, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Vào ngày 02-12-1977 bà và ông Nguyễn Văn T2 kết hôn với nhau, đến ngày 29-10-2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND Phường x, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; quá trình chung sống, năm 2003 bắt đầu mâu thuẫn cải vã nhau nhưng cố gắn chung sống. Nay không thể chung sống với nhau được nữa nên xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

Con chung: Có 03 người tên Nguyễn Đ T, sinh năm 1978; Nguyễn Vũ H, sinh năm 1983; Nguyễn Đại Anh M, sinh năm 1990; tất cả đã trưởng thành, sức khỏe bình thường không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập đầy đủ theo thủ tục tố tụng;tại đơn xin vắng mặt ông T2 trình bày đồng ý ly hôn nhưng do tuổi đã cao nên không đến Tòa án được.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, tư cách pháp lý và thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự sơ thẩm; người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị T đối với ông Nguyễn Văn T2; về con chung đã trưởng thành không giải quyết; tài sản chung và nợ chung không giải quyết; bà T phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T: Theo bà T khai ngày 02-12-1977 bà và ông Nguyễn Văn T2 kết hôn với nhau, đến ngày 29-10-2014 mới đăng ký kết hôn tại UBND Phường x, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; quá trình chung sống, năm 2003 bắt đầu mâu thuẫn cải vã nhau nhưng cố gắng chung sống. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T2. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho ông T2

theo quy định của pháp luật; tại đơn xin vắng mặt ông T2 trình bày ý kiến, đồng ý ly hôn nhưng do tuổi đã cao nên không đến Tòa án được. Như vậy thể hiện cho thấy hôn nhân của bà T và ông T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được bà T xin ly hôn ông T2 đồng ý. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị T đối với ông Nguyễn Văn T2.

[3] Về con chung: Có 03 người tên Nguyễn Đ T, sinh năm 1978; Nguyễn Vũ H, sinh năm 1983; Nguyễn Đại Anh M, sinh năm 1990; tất cả đã trưởng thành, sức khỏe bình thường không yêu cầu giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên tại đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí ngày 10-10-2023 bà T xác định bà là người cao tuổi nên xin được miễn nộp tiền án phí, tạm ứng án phí. Do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án phù hợp. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đinh Thị T đối với ông Nguyễn Văn T2; bà Đinh Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T2.

2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Bà T được miễn tiền án phí.

5. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các bên được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã (phường) nơi cư trú.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:
- PKTNV TA tỉnh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Phan Tuyến

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**